

T/11 2012
ĐKL
96/137

**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: 20/12/2012



Composition: Each Enteric coated tablet contains: **KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN**
Disodium Adenosine Triphosphate 20mg **CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING**
Excipients q.s.f 1 Enteric coated tablet **INSTRUCTIONS BEFORE USE.**
Indications, Contraindications, Dosage -
Administration: See the package insert inside. SDK (Reg.No) :
Storage: Store in a dry place, below 30°C. Ngày SX (Mfg. Date):
Specifications: Manufacturer's. HD (Exp. Date) :



Rx THUỐC BÁN THEO ĐƠN Hộp 10 vỉ x 10 viên bao tan trong ruột

ATP

Dinatri Adenosin Triphosphat 20 mg

GMP - WHO

C.TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
La Khê - Hà Đông - TP Hà Nội

103.43.40

Thành phần: Mỗi viên bao tan trong ruột chứa:
Dinatri Adenosin Triphosphat 20mg
Tã dược: vđ 1 viên
Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng -
Liều dùng:
Xem đơn hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.
Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS.

**ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
TRƯỚC KHI DÙNG**

Rx Prescription Drug Box of 10 blisters of 10 Enteric Coated tablets

ATP

Dinatri Adenosin Triphosphat 20 mg

GMP - WHO

HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C
La Khê - Hà Đông - Hà Nội City





Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc:

ATP

(Dinatri adenosin triphosphat 20mg)

- **Dạng thuốc:** Viên bao tan trong ruột
- **Qui cách đóng gói:** Hộp 10 vỉ x 10 viên .
- **Thành phần:**

Dinatri adenosin triphosphat	20mg
Tá dược vđ	1 viên

(Tá dược gồm: Lactose, avicel, Polyvidone(P.V.P), acryl-eze white, bột talc, magnesi stearat)

- **Các đặc tính dược lực học:** Acid adenosin-5triphosphoric(=ATP) giữ vai trò quan trọng trong chuyển hoá glucid và là nguồn năng lượng thiết yếu trong quá trình sinh hoá của hiện tượng cơ cơ. Về mặt dược lý có tác dụng giãn mạch, nhất là ở mạch vành và hệ thống động mạch ngoại vi. Với tim có tác dụng giống đối giao cảm, nhưng tác dụng này không bị atropin huỷ đi (làm giảm nhịp tim và ức chế dẫn truyền kích thích).

- **Các đặc tính dược động học:** Adenosin trong tế bào chuyển hoá nhanh do phosphoryl hoá thành adenosin monophosphat nhờ adenosinkinase hoặc do khử amin thành inosin nhờ adenosin desaminase trong bào tương. Adenosin ngoài tế bào bị mất nhanh do xâm nhập vào tế bào với nửa đời dưới 10 giây trong máu toàn phần. Vì adenosin không cần có sự tham gia của chức năng gan hoặc thận để hoạt hoá hoặc bất hoạt nên suy gan hoặc suy thận không ảnh hưởng đến tính hiệu quả hoặc tính dung nạp của thuốc.

- **Chỉ định:**

Nhịp nhanh kịch phát trên thất, bao gồm cả hội chứng Wolff - Parkinson - White để chuyển nhanh về nhịp xoang.

Thuốc hỗ trợ trong kỹ thuật hiện hình tưới máu cơ tim: Thuốc dùng để làm giãn động mạch vành cùng với chụp hiện hình tưới máu cơ tim hoặc siêu âm hai chiều để phát hiện các khiếm khuyết trong tưới máu hoặc cơ bóp bất thường cục bộ do bệnh động mạch vành.

- **Cách dùng và liều dùng:** Uống theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc.

* **Liều trung bình:**

Người lớn: Uống mỗi lần 2-3 viên x 3 lần/ngày

(Thuốc này chỉ dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc)

- **Chống chỉ định:**

Người đã có từ trước hội chứng suy nút xoang hay bloc nhĩ thất độ hai hoặc độ ba mà không cấy máy tạo nhịp, do nguy cơ ngừng xoang kéo dài hoặc bloc nhĩ thất hoàn toàn.

Bệnh hen và bệnh phế quản phổi tắc nghẽn, vì có thể gây thêm cơ thắt phế quản.

Mẫn cảm với adenosin.

- **Thận trọng:**

Trong quá trình cắt rung nhĩ có đường dẫn truyền nhĩ thất phụ, vì có thể xung động dẫn truyền qua đó làm tim đập nhanh hơn.

Do có khả năng làm tăng nhất thời rối loạn dẫn truyền hoặc loạn nhịp tim trong cơn tim nhanh kịch phát trên thất, nên khi dùng adenosin cần có bác sĩ theo dõi điện tim và có phương tiện hồi sức tim và hô hấp.

- Tác dụng không mong muốn của thuốc:

* **Thường gặp:** Toàn thân (nhức đầu); Tim mạch (nóng bừng mặt); Hô hấp (khó thở, cảm giác ngực bị ép); Tiêu hoá (buồn nôn); Thần kinh trung ương (hơi choáng váng, hoa mắt chóng mặt, tê cứng).

* **Hiếm gặp:** Toàn thân (khó chịu, ra mồ hôi, lo âu, cảm giác rất bỏng, có vị kim loại); Tim mạch (đánh trống ngực, nhịp tim chậm, hạ huyết áp); Hô hấp (thở sâu nhanh, đau ngực); Mắt (nhìn mờ); Xương - cơ (đau tay, đau chân, đau cổ và đau lưng).

* **Ghi chú:** "Nếu cần thông tin xin hỏi ý kiến của bác sĩ và thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc".

- Tương tác thuốc:

Dipyridamol phong bế adenosin vào tế bào, nên làm tăng tác dụng của adenosin. Nếu cần phối hợp phải giảm liều adenosin.

Theophyllin và các xanthin khác là những chất ức chế mạnh adenosin. Khi cần phối hợp, phải tăng liều adenosin.

Nicotin có thể tăng tác dụng tuần hoàn của adenosin.

- **Quá liều - cách xử trí:** Chưa thấy xảy ra trường hợp nào quá liều. Vì nửa đời của adenosin trong máu rất ngắn, nên thời gian tai biến nếu có do quá liều cũng hạn chế. Nếu tai biến kéo dài, nên dùng methylxanthin như cafein hoặc theophyllin là những chất đối kháng cạnh tranh với adenosin.

- **Hạn dùng:** 36 tháng tính từ ngày sản xuất. **Không dùng thuốc đã quá hạn sử dụng.** Khi thấy viên thuốc bị ẩm mốc, loang màu, nhãn thuốc in số lô SX, HD mờ...hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới trả lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

- **Bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

- **Tiêu chuẩn áp dụng:** TCCS

Để xa tầm tay trẻ em.

KHÔNG DÙNG QUÁ LIỀU CHỈ ĐỊNH
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

THUỐC SẢN XUẤT TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
La Khê- Hà Đông- TP Hà Nội
ĐT: 0433. 522203- 33516101 FAX: 0433522203

CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DS. Nguyễn Bá Lai

PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh